

Bản án số: 178/2023/HS-PT

Ngày: 24 - 10 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Trịnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 198/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị H; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2023/HS-ST ngày 19 và 24/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/11/1984; tại Hà Nội; nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Thợ may; con ông Trần Xuân O và bà Nguyễn Thị H1; chồng: Trần Văn N; con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2003 và nhỏ nhất 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B. Trụ sở: Số I T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Tuyết . Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963. Chức vụ: Phó Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số A Y, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Hẻm S L, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Đặng Quang D, sinh năm 1967; địa chỉ: Hẻm S L, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Cao Thị V, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Số H M, thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Đình H3, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H là khách hàng thường xuyên gửi tiền tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân L. Vào ngày 22/4/2021, Nguyễn Thị H đến Quỹ tín dụng nhân dân L thực hiện việc rút tiền sổ tiết kiệm số AC0108996, mở sổ ngày 19/4/2021 với số tiền 160.000.000đ và lập 01 sổ tiết kiệm mới số AC0800320 đề ngày 22/4/2022 với số tiền 140.000.000đ. Tại thời điểm này, ngoài sổ tiết kiệm nêu trên thì Nguyễn Thị H còn có 02 sổ tiết kiệm chưa rút tiền gồm sổ tiết kiệm số AC0108817 mở sổ ngày 23/3/2021 và sổ tiết kiệm số AC0108849 mở sổ ngày 30/3/2021. Tuy nhiên, Nguyễn Thị H đã làm mất sổ tiết kiệm và không nhớ còn lại bao nhiêu sổ tiết kiệm, H đã liên hệ với chị Lại Thu T2 là nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân L để làm lại sổ tiết kiệm. Sau khi tiếp nhận thông tin, chị T2 nhập tên “Nguyễn Thị H” trên hệ thống dữ liệu để kiểm tra thấy có 04 sổ tiết kiệm mang tên “Nguyễn Thị H” nhưng không kiểm tra lại các thông tin nhân thân, lai lịch. Do chủ quan cho rằng cả 04 sổ tiết kiệm nêu trên đều là của Nguyễn Thị H. Do đó, chị T2 đã cung cấp thông tin để Nguyễn Thị H viết vào đơn có mất theo mẫu của Quỹ tín dụng nhân dân L 04 sổ tiết kiệm số AC0108817 với số tiền 200.000.000đ, sổ tiết kiệm số AC0108849 với số tiền 100.000.000đ, sổ tiết kiệm số AC0108765 với số tiền 35.000.000đ và sổ tiết kiệm số AC0108577 với số tiền 300.000.000đ. Tuy nhiên, trên thực tế chỉ có sổ tiết kiệm số AC0108817 mở sổ ngày 23/3/2021 và sổ tiết kiệm số AC0108849

mở sổ ngày 30/3/2021 đứng tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, cư trú tại số A Y, thôn C, xã Đ, thành phố B. Còn lại 02 sổ tiết kiệm số AC0108577 mở ngày 18/02/2021 và sổ sổ tiết kiệm số AC0108765 mở ngày 15/3/2021 đứng tên người có nhân thân, lai lịch là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964, trú tại số A Y, Phường B, thành phố B (sau đây gọi tắt là bà H phường 2). Sau đó Quỹ tín dụng nhân dân L đã tiến hành niêm yết thông tin mất sổ theo quy định.

Ngày 17/5/2021, Nguyễn Thị H đến Quỹ tín dụng nhân dân L làm thủ tục rút tiền gửi tiết kiệm trong sổ tiết kiệm số AC0108765, mở ngày 15/3/2021 với số tiền 35.000.000đ (đứng tên bà H phường 2) và được nhân viên Quỹ tín dụng là chị Lại Thu T2 và anh Nguyễn Huy C thực hiện thủ tục tất toán số tiền 35.246.000đ bao gồm cả gốc và lãi.

Ngày 19/5/2021, Nguyễn Thị H đến Quỹ tín dụng nhân dân L làm thủ tục rút tiền gửi tiết kiệm trong sổ tiết kiệm số AC0108577 mở ngày 18/02/2021 với số tiền 300.000.000đ (đứng tên bà H phường 2) và được nhân viên Quỹ tín dụng là chị Nguyễn Thị Hoàng K và anh Nguyễn Huy C thực hiện thủ tục tất toán số tiền 303.108.000đ bao gồm cả gốc và lãi.

Trong cả hai lần rút tiền nêu trên, nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân L do chủ quan về việc Nguyễn Thị H là khách hàng quen thuộc nên không đối chiếu lại các thông tin cá nhân, không phát hiện ra khác biệt về số chứng minh nhân dân, năm sinh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của các khách hàng “Nguyễn Thị H” nên đã chi nhầm từ 02 sổ tiết kiệm đứng tên bà H phường 2 sang cho Nguyễn Thị H tổng cộng 338.354.000đ.

Ngày 31/5/2021, Nguyễn Thị H đến Quỹ tín dụng nhân dân L để tất toán 02 sổ tiết kiệm số AC0108817 và AC0108849 (đứng tên chính chủ của H) với tổng số tiền gốc và lãi là 302.119.000đ.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian nêu trên Nguyễn Thị H còn đến Quỹ tín dụng nhân dân L mở thêm 02 sổ tiết kiệm gồm sổ số AC0800478 mở sổ ngày 13/5/2021 với số tiền 75.000.000đ (đã tất toán ngày 13/8/2021) và sổ số AC0800765 mở sổ ngày 23/6/2021 với số tiền 500.000.000đ (đã tất toán ngày 26/7/2021). Đối với sổ tiết kiệm số AC0800320 mở sổ ngày 22/4/2022 với số tiền 140.000.000đ đã được Nguyễn Thị H tất toán vào ngày 28/6/2021. Như vậy, đến ngày 13/8/2021 Nguyễn Thị H đã tất toán tất cả các sổ tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân L.

Đến ngày 15/10/2021, bà H phường 2 đến Quỹ tín dụng nhân dân L để làm thủ tục tất toán 02 sổ tiết kiệm số AC0108765 và số AC0108577 thì Quỹ tín dụng nhân dân L kiểm tra thông tin và phát hiện ra việc đã chi nhầm tiền tiết kiệm trong các sổ nêu trên cho Nguyễn Thị H.

Quỹ tín dụng nhân dân Lộc C1 đã nhiều lần thông báo về việc chi nhầm tiền và đề nghị Nguyễn Thị H hoàn trả lại số tiền 338.354.000đ nhưng H không

đồng ý. Sau đó, Q tín dụng nhân dân Lộc C1 đã trình báo vụ việc đến cơ quan Công an. Cơ quan CSĐT - Công an thành phố B đã nhiều lần triệu tập Nguyễn Thị H để làm việc và ngày 31/3/2022 ban hành Thông báo số 817/ĐTTH về việc yêu cầu Nguyễn Thị H hoàn trả lại số tiền 338.354.000đ cho Quỹ tín dụng nhân dân L nhưng Nguyễn Thị H vẫn không hoàn trả. Sau khi Cơ quan CSĐT - Công an thành phố B khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Nguyễn Thị H về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” thì Nguyễn Thị H mới giao nộp số tiền 338.354.000.

Kết quả điều tra xác định:

1. Hệ thống Camera an ninh của Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/5/2021 và ngày 19/5/2021 hoạt động bình thường, không bị hư hỏng, tuy nhiên dữ liệu chỉ lưu trữ trong đầu thu camera được tối đa là 01 tháng, sau đó hệ thống đầu thu camera tự xóa. Do đó, tại thời điểm phát hiện sự việc chi nhằm tiền gửi tiết kiệm (ngày 15/10/2021) thì không còn dữ liệu camera để thu thập. Hệ thống camera không lưu trữ trong ổ cứng, USB nào khác hoặc nơi nào khác tại Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B. Nếu trường hợp bị hư hỏng thì không truyền tải dữ liệu về máy chủ hoặc đơn vị nào khác.

2. Trong phần mềm xử lý nghiệp vụ lõi dành cho tổ chức tín dụng quy mô nhỏ “eFUND” trên hệ thống máy tính của Quỹ tín dụng nhân dân L lưu trữ các chứng từ sau liên quan đến vụ án: Giấy lĩnh tiền, phiếu chi, sổ phụ tiền gửi, nhật ký quỹ và bảng “Tất toán hợp đồng tiền gửi”. Đối bảng kê các loại tiền chi cho khách hàng lưu trữ trên giấy, không lưu trữ trên hệ thống máy tính.

- Tại thời điểm kiểm tra, xác định:

+ Các chứng từ giấy lĩnh tiền và phiếu chi khi in kiểm tra chỉ thay đổi giờ in thể hiện ở mục phía trên góc bên phải của giấy lĩnh tiền và phiếu chi. Ngoài ra, không thay đổi được các thông tin khác thể hiện trong giấy lĩnh tiền và phiếu chi.

+ Các sổ phụ tiền gửi khi in kiểm tra chỉ thay đổi ngày in thể hiện dưới chữ: “Sổ phụ tiền gửi”. Ngoài ra, không thay đổi được các thông tin khác thể hiện trong các sổ phụ tiền gửi.

+ Các Nhật ký quỹ khi in kiểm tra chỉ thay đổi ngày in thể hiện dưới chữ: “Tồn quỹ bằng chữ”. Ngoài ra, không thay đổi được các thông tin khác thể hiện trong các nhật ký quỹ

+ Các thông tin trong bảng “Tất toán hợp đồng tiền gửi” khi in kiểm tra không thay đổi được thông tin thể hiện trên đó.

** Thu thập các tài liệu:*

- Giấy lĩnh tiền, phiếu chi, sổ phụ tiền gửi, nhật ký quỹ, bảng “Tất toán hợp đồng tiền gửi” và bảng kê các loại tiền chi cho khách hàng đối với bị cáo Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984, nơi cư trú: số A, đường Y, thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng của các sổ tiết kiệm: sổ số AC0108996, mở ngày 19/4/2021, số tiền 160.000.000đ; sổ số AC0800320, mở ngày 22/4/2021, số tiền 140.000.000đ; sổ số AC0108817, mở ngày 23/3/2021, số tiền 200.000.000đ; sổ số AC0108849, mở ngày 30/3/2021, số tiền 100.000.000đ và sổ số AC0800478, số tiền 75.000.000đ.

- Giấy lĩnh tiền, phiếu chi, sổ phụ tiền gửi, nhật ký quỹ, bảng “Tất toán hợp đồng tiền gửi” và bảng kê các loại tiền chi cho khách hàng đối với bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964, nơi cư trú: số A, đường Y, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng của các sổ tiết kiệm: sổ số AC0108577, mở ngày 18/02/2021, số tiền 300.000.000đ và sổ số AC0108765, mở ngày 15/3/2021, số tiền 35.000.000đ.

- Bản chính thẻ lưu các sổ tiết kiệm: sổ số AC 0108577, mở ngày 18/02/2021, số tiền 300.000.000đ và sổ số AC0108765, mở ngày 15/3/2021, số tiền 35.000.000đ của bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964, nơi cư trú: số A, đường Y, phường B, thành phố B.

- Bản chính thẻ lưu các sổ tiết kiệm: sổ số AC0108817, mở ngày 23/3/2021, số tiền 200.000.000đ và sổ số AC0108849, mở ngày 30/3/2021, số tiền 100.000.000đ của bị cáo Nguyễn Thị H.

3. Từ ngày 23/12/2015 đến ngày 02/02/2023, bị cáo Nguyễn Thị H mở 45 (bốn mươi lăm) sổ tiết kiệm tiền gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân L1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, số tiền gửi thấp nhất là 5.000.000đ, số tiền gửi cao nhất là 850.000.000đ. Trong đó, có 44 sổ tiết kiệm tiền gửi bị cáo H đã tất toán và 01 sổ tiết kiệm tiền gửi (tính đến ngày 17/4/2023) bị cáo H chưa tất toán.

* Tài liệu do Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Tiến cung cấp gồm:

- Đối với sổ tiết kiệm tiền gửi, số AC0543374:

+ 01 bản sao chứng từ giấy gửi tiền, đề ngày 17/5/2021, số tiền gửi: 20.000.000đ lưu trữ trên hệ thống máy tính.

+ 01 bản sao chứng từ giấy gửi tiền, đề ngày 17/5/2021, số tiền gửi: 20.000.000đ; giấy rút tiền, đề ngày 28/7/2021, số tiền rút: 20.140.600đ và sổ tiết kiệm tiền gửi của sổ số AC0543374 lưu trữ trên giấy.

- Đối với sổ tiết kiệm tiền gửi, số AC0543429:

+ 01 bản sao chứng từ giấy gửi tiền, đề ngày 19/5/2021, số tiền gửi: 300.000.000đ lưu trữ trên hệ thống máy tính.

+ 01 bản sao chứng từ giấy gửi tiền, đề ngày 19/5/2021, số tiền gửi: 300.000.000đ giấy rút tiền, đề ngày 23/9/2021, số tiền rút: 304.165.500đ và sổ tiết kiệm tiền gửi của sổ số AC0543429 lưu trữ trên giấy.

Phần mềm kế toán của Quỹ tín dụng nhân dân L1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng không hiển thị giờ trên chứng từ gửi tiền và rút tiền. Tuy nhiên, Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Tiến kiểm tra trên hệ thống máy tính, xác định: thời điểm 09 giờ 37 phút ngày 17/5/2021, bị cáo Nguyễn Thị H mở sổ tiết kiệm tiền gửi, sổ số AC0543374, gửi số tiền 20.000.000đ và thời điểm 11 giờ 06 phút ngày 19/5/2021, bị cáo Nguyễn Thị H mở sổ tiết kiệm tiền gửi, sổ số AC0543429, gửi số tiền 300.000.000đ.

4. Chị Lại Thu T2, chị Nguyễn Thị Hoàng K và anh Nguyễn Huy C, là những người không kiểm tra kỹ thông tin cập nhật trên hệ thống phần mềm, không đối chiếu kỹ thông tin trong các chứng từ rút tiền gửi tiết kiệm và thông tin của người nhận tiền, dẫn đến xảy ra sự việc trên. Tuy nhiên, hành vi của những người này là vi phạm Quy chế tiền gửi tiết kiệm theo quy định tại Quyết định số 08/2019/QĐ-HĐQT ngày 24/6/2019 của Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, do đó Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của những người trên trong vụ án này.

5. Danh sách chứng từ thu, chi và báo cáo chốt chi các ngày 17/5/2021, ngày 19/5/2021 của Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã được thể hiện trong Nhật ký quỹ và Sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ Nhật ký quỹ và Sổ quỹ tiền mặt ngày 17/5/2021 và ngày 19/5/2021 của Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xác định:

- Đối với ngày 17/5/2021: Tổng số tiền thu là 8.768.485.200đ, tổng số tiền chi là 10.796.162.070đ, trong đó bị cáo Nguyễn Thị H rút gốc và lãi tiền gửi tiết kiệm của sổ số AC0108765, số tiền: 35.246.400đ; số chứng từ chi: PC0014, tài khoản chi tiết: 4232.01; số chứng từ chi: PC0015, tài khoản chi tiết: 4913.01 và 801.01.

- Đối với ngày 19/5/2021: Tổng số tiền thu là 3.409.230.600đ, tổng số tiền chi là 3.189.626.478đ, trong đó bị cáo Nguyễn Thị H rút gốc và lãi tiền gửi tiết kiệm của sổ số AC0108577, số tiền: 303.107.700đ; số chứng từ chi: PC0006, tài khoản chi tiết: 4232.01; số chứng từ chi: PC0007, tài khoản chi tiết: 801.01.

6. Đối chất giữa chị Lại Thu T2 và anh Nguyễn Huy C: Trong ngày 17/5/2021 và ngày 19/5/2021, sau khi được Lãnh đạo của Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng phê duyệt chứng từ, chị Lại Thu T2 đưa giấy lĩnh tiền, phiếu chi; sổ theo dõi báo mất, hồng thẻ tiết kiệm và thẻ lưu sổ tiết kiệm đứng tên Nguyễn Thị H cho anh Nguyễn Huy C để anh C làm thủ tục giao tổng số tiền 338.354.000đ cho bị cáo Nguyễn Thị H. Sau khi anh C giao

tiền cho bị cáo H, anh C ký, ghi tên ở mục “T” trên chứng từ và giao lại các chứng từ này cho chị T2 giữ, sau đó lưu trữ tại Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

7. Đối chất giữa chị Lại Thu T2 và bị cáo Nguyễn Thị H: Ngày 22/4/2021, bị cáo Nguyễn Thị H liên hệ với chị Lại Thu T2 thông báo mất sổ tiết kiệm nhưng bị cáo H không nói rõ bị mất bao nhiêu sổ, số tiền gửi của từng sổ. Sau khi tiếp nhận thông tin, chị T2 kiểm tra trên hệ thống dữ liệu lưu trữ của Quỹ tín dụng nhân dân L thì thấy thông tin khách hàng Nguyễn Thị H có 04 sổ tiết kiệm tiền gửi. Tuy nhiên, do sơ suất chưa kiểm tra kỹ thông tin nên chị T2 lầm tưởng 04 sổ tiết kiệm là của cùng một người tên Nguyễn Thị H. Vì vậy, chị T2 đã cung cấp thông tin về 04 sổ tiết kiệm nêu trên cho bị cáo H và hướng dẫn bị cáo H viết vào đơn có mất theo mẫu do Quỹ tín dụng nhân dân Lộc C1 cung cấp. Thông tin về 04 sổ tiết kiệm là số sổ, không thể hiện số tiền gửi từng sổ, cụ thể: sổ số AC0108577, sổ số AC0108765, sổ số AC0108817 và sổ số AC0108849.

8. Cơ quan CSĐT- Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cùng bị cáo Nguyễn Thị H tiến hành chạy xe mô tô cá nhân trên đường Q, di chuyển từ trụ sở của Quỹ tín dụng nhân dân L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đến trụ sở của Quỹ tín dụng nhân dân L1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để đo khoảng cách. Kết quả công tơ mét của xe mô tô xác định khoảng cách giữa 02 trụ sở nêu trên là 1.100m (một ngàn một trăm mét).

Bị cáo Nguyễn Thị H không thừa nhận: Vào ngày 17/5/2021 và ngày 19/5/2021, bị cáo H tiếp xúc với ông Đặng Quang D, sinh năm 1967 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1971, cùng cư trú tại: số B, đường N, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; bà Cao Thị V, sinh năm 1980, nơi cư trú: thôn G, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và bà Phạm Thị H2, sinh năm 1985, nơi cư trú: thôn G, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc số tiền 20.000.000đ do bị cáo H gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân L1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/5/2021, là tiền bị cáo H có được từ việc môi giới bán đất cho gia đình ông Nguyễn Đình H3, sinh năm 1973, nơi cư trú: thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; ông Phạm Thanh T3, sinh năm 1972, nơi cư trú: thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và từ việc mua bán đất với gia đình bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966, nơi cư trú: thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc số tiền 300.000.000đ do bị cáo H gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân L1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/5/2021, là tiền của bị cáo H.

Cơ quan CSĐT- Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành xác minh, điều tra. Vào ngày 17/5/2021 và ngày 19/5/2021, ông Đặng Quang D, bà Trần Thị T, bà Cao Thị V và bà Phạm Thị H2 có gặp và tiếp xúc với bị cáo Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, những người này không xác định được chính xác

thời điểm nào tiếp xúc với bị cáo H và không rõ việc bị cáo H có mang theo tài sản trước khi tiếp xúc. Ông Nguyễn Đình H3 và bà Nguyễn Thị T1 xác định có việc trả tiền môi giới bán đất và bồi thường tiền đặt cọc mua đất cho bị cáo H. Tuy nhiên, những người này không rõ bị cáo H sử dụng số tiền có được vào mục đích gì. Riêng ông Phạm Thanh T3 đã bán nhà và chuyển đi nơi khác sinh sống nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được.

Tại Kết luận giám định số 405/KL-KTHS ngày 27/5/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu cần giám định: Sổ theo dõi báo mất, hồng thẻ tiết kiệm số sổ AC0108765; giấy lĩnh tiền, số chứng từ PC0014 ngày 17/5/2021; phiếu chi, số chứng từ PC0015 ngày 17/5/2021, bảng kê loại tiền chi cho khách ngày 17/5/2021, sổ theo dõi báo mất, hồng thẻ tiết kiệm số sổ AC0108577; giấy lĩnh tiền, số chứng từ PC0006 ngày 19/5/2021; phiếu chi, số chứng từ PC0007 ngày 19/5/2021, bảng kê loại tiền chi cho khách ngày 19/5/2021 so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, nơi thường trú: thôn C, xã Đ, thành phố B trong bản tường trình ngày 05/4/2022 và biên bản ghi lời khai ngày 21/02/2022 là do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu cần giám định không phát hiện dấu vết chỉnh sửa.

Cáo trạng số 23/CT-VKSBL ngày 10 tháng 01 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2023/HS-ST ngày 19 và 24/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Áp dụng khoản 2 Điều 176; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 18 (mười tám) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại

Ngày 07/8/2023 bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H giữ nguyên kháng cáo, không thừa nhận hành vi chiếm giữ số tiền 338.354.000đ vì lỗi do cán bộ tín dụng chứ bị cáo không cố tình chiếm giữ nên không đồng ý với bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ

thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Trong các ngày 17/5/2021 và ngày 19/5/2021 do nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân L chủ quan không đối chiếu thông tin của khách hàng nên đã làm thủ tục chi nhằm cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền gốc và lãi là 338.354.000đ trong 02 sổ tiết kiệm số AC0108765 mở ngày 15/3/2021 và số AC0108577 mở ngày 18/02/2021. Đến ngày 15/10/2021 Quỹ tín dụng nhân dân L mới phát hiện việc chi nhằm nên đã nhiều lần yêu cầu Nguyễn Thị H hoàn trả tiền nhưng bị cáo cố tình không hoàn trả. Ngày 31/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Thông báo số 817/ĐTTH yêu cầu Nguyễn Thị H hoàn trả lại số tiền chi nhằm cho Quỹ tín dụng nhân dân L nhưng Nguyễn Thị H vẫn cố tình không hoàn trả.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong hạn luật định và đúng quy định nên thời hạn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, nội dung kháng cáo là kêu oan.

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo thể hiện thái độ không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, kêu oan, cho rằng bị cáo nộp tiền vào Thi hành án là để không bị bắt tạm giam, không phải nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đồng thời số tiền bị cáo chiếm giữ là rất lớn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử bị cáo án treo là chưa nghiêm, chưa đủ tính răn đe và không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, do bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội bộc phát, đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho bị hại và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại cũng có lỗi một phần khi làm thủ tục chi tiền không kiểm tra, đối chiếu kỹ tên, địa chỉ của khách hàng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt như bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Áp dụng khoản 2 Điều 176; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 18 (mười tám) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Nếu bị cáo cố ý vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, Người được hưởng án treo có thể sẽ bị Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo tại Trại giam. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Bảo Lộc (03);
- VKSND Bảo Lộc (01);
- Cơ quan CSĐT CA Bảo Lộc (01);
- Cơ quan THAHS CA Bảo Lộc (01);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Mạnh Hùng